SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: 12 /TB-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 21 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả giám sát ngoại kiểm (đột xuất) chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung:

- Tên cơ sở cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch Phù Tiên.
- Địa chỉ: thôn Đặng Xá, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên.
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần nước sạch Phù Tiên.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước dưới đất.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Sau khi báo Lao động thông tin phản ánh chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thôn An Tràng xã Tiên Hoa có hiện tượng nước đục xảy ra tại một số hộ gia đình, ngày 28/4/2026 và 04/5/2026, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với Tramh y tế xã Tiên Hoa đã tổ chức ngoại kiểm (đột xuất) 03 mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Công ty cổ phần nước sạch Phù Tiên, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01 (GS.10/28/04/2026): Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02 (GS.11/04/05/2026): Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình ông Bùi Quang Nguyện, thôn An Tràng, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên.
- Mẫu số 03 (GS.12/04/2026): Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình bà Bùi Thị Thêm, thôn An Tràng, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 31 thông số gồm: 27 thông số về hóa, lý và 04 thông số về Vi sinh vật.

2. Kết quả thử nghiệm: Căn cứ kết quả số: 872/2026/KQTN-XN ngày 15 tháng 5 năm 2026 và kết quả số: 876,877/2026/KQTN-XN ngày 18/5/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (*Có bản kết quả gửi kèm*), cho thấy:

2.1. Về kết quả xét nghiệm các thông số Hóa, Lý:

- Mẫu số 1: Có 26/27 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Hàm lượng Clo dư.
- Mẫu số 2,3: Có 27/27 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép.

2.2. Về kết quả xét nghiệm các thông số Vi sinh vật:

- Mẫu số 1: Có 1/4 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Coliform, E.coli, P.aeruginosa.

- Mẫu số 2,3: Có 3/4 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép, thông số không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: P.aeruginosa.

III. Kiến nghị:

1. Đối với Công ty cổ phần nước sạch Phù Tiên:

- Rà soát lại ngay các quy trình sản xuất nước sạch (hệ thống khử trùng) của cơ sở cấp nước để khắc phục kịp thời các thông số chưa đạt tiêu chuẩn trong kết quả xét nghiệm gửi kèm gồm: Hàm lượng Clo dư, Coliform, E.coli, P.aeruginosa.

- Thực hiện việc xét nghiệm lại các thông số này sau khi đã có hành động khắc phục (thời gian thực hiện xét nghiệm trong 03 ngày và báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan chức năng theo quy định.

- Gửi thông báo kết quả giám sát này tới các địa phương trong phạm vi dự án cấp nước và các hộ gia đình, nhất là những hộ gia đình được giám sát ngay sau khi nhận được kết quả; hướng dẫn người dân cách xử lý nguồn nước trong thời gian nhà máy khắc phục, đảm bảo nguồn nước sạch cho người dân.

- Tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng, bảo quản nguồn nước tại hộ gia đình đảm bảo vệ sinh, thường xuyên vệ sinh dụng cụ chứa nước.

- Thực hiện công khai kết quả nội kiểm, kết quả ngoại kiểm theo quy định hiện hành (công khai tại cơ sở cấp nước, gửi chính quyền địa phương trong phạm vi cấp nước).

- Thực hiện công tác nội kiểm đúng quy định, thường xuyên rà soát hệ thống sản xuất, quy trình sản xuất, định kỳ, có kế hoạch vệ sinh đường ống cấp nước tới các hộ gia đình.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

- Đối với các thông số có tính chất dễ biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục...) đề nghị cơ sở cấp nước theo dõi chặt chẽ theo từng ca trực, thường xuyên kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch điều chỉnh sản xuất cho phù hợp.

2. Đề nghị UBND xã Tiên Hoa:

- Giám sát hành động khắc phục đối với thông số chưa đạt tiêu chuẩn cho phép mà cơ quan chuyên môn nêu ở trên gồm (Hàm lượng Clo dư, Coliform, E.coli, P.aeruginosa) và có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với cở sở cấp nước, nắm bắt thông tin phản ánh của người dân để kịp thời giám sát xét nghiệm chất lượng nước phục vụ nhân dân.

3. Đối với Sở Y tế:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch, đặc biệt tại những thời điểm thời tiết có tính chất thay đổi có nguy cơ ảnh hưởng tới chất lượng nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- UBND xã Tiên Hoa;
- Công ty CP nước sạch Phù Tiên;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Khoa xét nghiệm CĐHA &TDCN;
- Khoa TTGDSK của CDC(để đăng tải);
- Lưu VT, SKMT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Lê Thị Hồng Nhung

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 877 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 18/05/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: GS.12/04/05/2026
Vị trí lấy mẫu : HGĐ Bà Bùi Thị Thêm - Thôn An Tràng - Tiên Hoa - Tỉnh Hưng Yên
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh dậy nắp kín, có tem niêm phong
Nơi lấy mẫu: Công Ty Cổ Phần Nước Sạch Phù Tiên
Địa chỉ: Thôn Đặng Xá - Xã Tiên Hoa - Tỉnh Hưng Yên
Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CĐHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên
Ngày gửi mẫu: Ngày 04 tháng 05 năm 2026
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 04 tháng 05 năm 2026
Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

VILAS 629

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3(b)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,80	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,17	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 0,3 \times 10^{-3}$(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,20	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0 \times 10^{-3}$(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,06 \times 10^{-3}$(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,79	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	5,67	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,67 \times 10^{-3}$(b)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	100,0	**300**
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03(b)	**2**
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,1**
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,55	**200**
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^-tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,008	**11**
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001(b)	**0,9**
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,3**
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	27,8	**250**
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	$<0,3x10^{-3}$(b)	**0,001**
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	112,0	**1.000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$<1,6x10^{-3}$(b)	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02(b)	**0,07**
27.	Hàm lượng Florua(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3(a)	**1,5**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	**< 1**
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	**< 1**
3.	S. aureus(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	**< 1**
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	$2,0 \times 10^4$	**< 1**

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA XN - CĐHA - TDCN	QUẢN LÝ KT BP. HÓA LÝ	QUẢN LÝ KT BP. VI SINH
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC			
Đỗ Xuân Cấp	Ths. Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Tuấn Minh	Nguyễn Thị Hằng

Lưu ý: - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*

- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 976 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 18/05/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: GS.11/04/05/2026

Vị trí lấy mẫu : HGĐ Ông Bùi Quang Nguyện - Thôn An Trang - Tiên Hoa - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đậy nắp kín, có tem niêm phong

Nơi lấy mẫu: Công Ty Cổ Phần Nước Sạch Phù Tiên

Địa chỉ: Thôn Đặng Xá - Xã Tiên Hoa - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CĐHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày gửi mẫu: Ngày 04 tháng 05 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 04 tháng 05 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3(b)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,70	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,09	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 0,3 \times 10^{-3}$(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,20	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0 \times 10^{-3}$(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,06 \times 10^{-3}$(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,66	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	5,32	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,67 \times 10^{-3}$(b)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	96,0	**300**
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03(b)	**2**
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,1**
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,56	**200**
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^- tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,078	**11**
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001(b)	**0,9**
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,3**
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	29,1	**250**
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	$<0,3x10^{-3}$(b)	**0,001**
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	104,0	**1.000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$<1,6x10^{-3}$(b)	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02(b)	**0,07**
27.	Hàm lượng Florua(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3(a)	**1,5**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	**< 1**
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	**< 1**
3.	S. aureus(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	**< 1**
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	$1,6 \times 10^3$	**< 1**

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA XN - CĐHA - TDCN	QUẢN LÝ KT BP. HÓA LÝ	QUẢN LÝ KT BP. VI SINH
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đỗ Xuân Cấp	*Ths. Phạm Thị Thu Hà*	*Nguyễn Tuấn Minh*	*Nguyễn Thị Hằng*

Lưu ý: *- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*

- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 872 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 15/05/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: GS.10/28/04/2026
Vị trí lấy mẫu : Vòi phát nhà máy
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh dậy nắp kín, có tem niêm phong
Nơi lấy mẫu: Công Ty Cổ Phần Nước Sạch Phù Tiên
Địa chỉ: Thôn Đặng Xá - Xã Tiên Hoa - Tỉnh Hưng Yên
Người lấy mẫu: Lại Văn Dương - Khoa XN - CĐHA - TDCN -TTKSBT Hưng Yên
Ngày gửi mẫu: Ngày 28 tháng 04 năm 2026
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 28 tháng 04 năm 2026
Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

VILAS 629

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 1,0(a)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,31	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,03	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	< 0,3 x $10^{-3(b)}$	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	< 0,05(b)	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 2,0 x $10^{-3(b)}$	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,06x$10^{-3(b)}$	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,60	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	5,32	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,67 x $10^{-3(b)}$	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	104,0	**300**
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03(b)	**2**
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,1**
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,45	**200**
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^-tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,997	**11**
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001(b)	**0,9**
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**0,3**
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	29,6	**250**
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	$< 0,3 \times 10^{-3}$(b)	**0,001**
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	100	**1.000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 1,6 \times 10^{-3}$(b)	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02(b)	**0,07**
27.	Hàm lượng Florua(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3(a)	**1,5**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	$1,2 \times 10^2$	**< 1**
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	$2,8 \times 10^1$	**< 1**
3.	S. aureus(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	**< 1**
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	$8,0 \times 10^4$	**< 1**

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA XN - CĐHA - TDCN	QUẢN LÝ KT BP. HÓA LÝ	QUẢN LÝ KT BP. VI SINH
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC			
Đỗ Xuân Cấp	Ths. Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Tuấn Minh	Nguyễn Thị Tuyết Mai

Lưu ý: - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*